

Số: 2536/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

VỀ LƯỢNG HẠN NGẠCH THUẾ QUAN ĐỐI VỚI HÀNG DỆT MAY XUẤT KHẨU SANG MÊ-HI-CÔ NĂM 2023 THEO HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN VÀ TIẾN BỘ XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Thư song phương giữa Bộ trưởng Bộ Công Thương Việt Nam và Bộ trưởng Kinh tế Mê-hi-cô về Thương mại giữa Mê-hi-cô và Việt Nam đối với một số mặt hàng dệt may sử dụng nguồn cung thiếu hụt và đối với quần áo trẻ em, ký ngày 08 tháng 3 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

Căn cứ Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Lượng hạn ngạch thuế quan đối với hàng dệt may xuất khẩu sang Mê-hi-cô năm 2023 theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương được quy định tại Phụ lục đính kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục Hải quan;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, XNK.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Sinh Nhật Tân

PHỤ LỤC

DANH MỤC HÀNG DỆT MAY ÁP DỤNG HẠN NGẠCH THUẾ QUAN XUẤT KHẨU SANG MÊ-HI-CÔ THEO HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN VÀ TIẾN BỘ XUYỀN THÁI BÌNH DƯƠNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 2536/QĐ-BCT ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về hạn ngạch thuế quan đối với hàng dệt may xuất khẩu sang Mê-hi-cô năm 2022 theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương)

STT	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng
01	Sợi phân loại ở nhóm 5202 đến 5207, 5508, 5509, 5511 và vải phân loại ở Chương 60 và sản phẩm phân loại ở Chương 58, nhóm 5902 và 5910 được sản xuất tại Việt Nam từ các nguyên phụ liệu có số thứ tự 2 và 3 trong Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Bộ Công Thương	Kg	250.000
02	Quần áo dệt kim phân loại ở Chương 61 tại cột Yêu cầu đầu ra số thứ tự 1, 4, 7 của Phụ lục II được sản xuất tại Việt Nam từ các nguyên phụ liệu được nêu trong cột mô tả của các số trên trong Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Bộ Công Thương	Chiếc	2.500.000
03	Quần áo dệt thoi phân loại ở Chương 62 tại cột Yêu cầu đầu ra tại số thứ tự 5 và 6 của Phụ lục II được sản xuất tại Việt Nam sử dụng nguyên phụ liệu được nêu tại cột mô tả của các số trên của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Bộ Công Thương	Chiếc	750.000
04	Hàng dệt may thuộc các mã HS 6111.30, 6209.30 và tã trẻ em làm từ sợi tổng hợp thuộc mã HS 9619	Chiếc	50.000